

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 20/5/2021.

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Linh

2. Bà Hà Ngân Kim Tới

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hứa Thị Đ; Sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Nơi ở hiện nay: Số D, ấp E, xã Ê, huyện G, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn L; Sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện do bà Hứa Thị Đ lập ngày 16/11/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì nguyên đơn bà Hứa Thị Đ trình bày như sau: Bà và ông Lê Văn L sống chung với nhau từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện và đến năm 2009 thì mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng kết hôn ngày 12/6/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng thường hay cãi nhau cuộc sống vợ

chồng không còn hạnh phúc như trước, do đó vợ chồng đã ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay.

Trong thời gian chung sống bà và ông Lê Văn L có 02 đứa con chung tên Lê Văn C, sinh ngày 17/8/1999 và Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 29/10/2009, hiện nay Lê Văn C đã thành niên và có gia đình riêng, đối với Tuyết N thì đang sống với bà; Về tài sản chung và nợ chung không có.

Nay bà Hứa Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Lê Văn L; Về con chung, bà Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 29/10/2009 đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con, đối với Lê Văn C đã thành niên, đã lập gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Lê Văn L, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Văn L nhưng ông L không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Hứa Thị Đ và không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa theo triệu tập.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 16/11/2020, bà Hứa Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn L có nơi cư trú tại Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Lê Văn L vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và nguyên đơn Hứa Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Hứa Thị Đ:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hứa Thị Đ và ông Lê Văn L tự nguyện kết hôn với nhau có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng kết hôn ngày 12/6/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Hứa Thị Đ và ông Lê Văn L là hợp pháp. Nhưng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến, cuộc sống vợ chồng cho nên đến năm 2016 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà Hứa Thị Đ làm đơn khởi kiện để xin ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng bà Đ, ông L đoàn tụ với nhau, tuy nhiên phía ông L vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Hứa Thị Đ và ông Lê Văn L đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà Đ xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Trong thời gian sống chung bà Đ và ông Lê Văn L có 02 đứa con chung tên Lê Văn C, sinh ngày 17/8/1999 và Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 29/10/2009.

[7] Đối với con chung Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 29/10/2009 hiện nay con chung đang sống với bà Đ và bà Đ yêu cầu tiếp tục được nuôi con đến trưởng thành. Xét yêu cầu của bà Đ là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên của bà Đ và phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 29/10/2009 cho bà Hứa Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[8] Đối với con chung Lê Văn C, sinh ngày 17/8/1999 đã thành niên, đã lập gia đình riêng và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hứa Thị Đ xác định hiện nay có điều kiện kinh tế ổn định và đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu Lê Thị Tuyết N nên không yêu cầu ông Lê Văn L cấp dưỡng cho con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc ông Lê Văn L cấp dưỡng nuôi con chung

[10] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Hứa Thị Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Lê Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Bà Hứa Thị Đ được ly hôn với ông Lê Văn L.
- Về con chung:

Giao cho bà Hứa Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Hứa Thị Đ và ông Lê Văn L là cháu Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 29/10/2009 đến khi thành niên (hiện nay cháu N đang sống chung với bà Đ).

Ông Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu N mà không ai được cản trở. Ông Lê Văn L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N của bà Hứa Thị Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hứa Thị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với con chung Lê Văn C, sinh ngày 17/8/1999 đã thành niên, đã lập gia đình riêng và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hứa Thị Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005851, ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, bà Hứa Thị Đ đã thực hiện xong. Ông Lê Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho các đương sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các bên đương sự;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Công Minh